

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH điện tử Hank Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại lô 74B/75A, số 55, đường 11, Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án nhà máy điện tử Hank Việt Nam” tại lô 74B/75A, Số 55, Đường 11, Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Dự án nhà máy điện tử Hank Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 74B/75A, số 55, đường 11, Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 8704567310 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26/02/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 12/09/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp: 2301083243 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/03/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/07/2025.

1.4. Mã số thuế: 2301083243.

1.5. Loại hình sản xuất:

Sản xuất, gia công sản phẩm ép nhựa vỏ dây cáp, ép đúc vỏ nhựa; Sản xuất, gia công các sản phẩm cáp USB, cáp HDMI, dây sạc, sạc điện, đế sạc chơi game, sạc dự phòng, chuông báo thông minh; Sản xuất, gia công các sản phẩm tai nghe, loa, bộ điều khiển trò chơi; Sản xuất, gia công các sản phẩm USB-HUB, giá đỡ điện thoại, giá đỡ máy tính, bút cảm ứng điện thoại, bút cảm ứng máy tính, phụ kiện chơi game; Sản xuất, gia công các sản phẩm đèn thông minh, đèn led; Sản xuất, gia công các sản phẩm ổ cắm thông minh, công tắc thông minh, cảm ứng thông minh, bộ điều khiển thông minh; sản xuất đồ chơi cho trẻ em.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi: Cơ sở hoạt động tại Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, với tổng diện tích 19.125,4 m² (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH HJ Corp Vina).

- Cơ sở với tổng mức đầu tư 93.864.350.911 đồng; căn cứ khoản 2 Điều 11 và khoản 3 Điều 11 Luật Đầu tư công năm 2024, Cơ sở thuộc Nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Cơ sở thuộc Nhóm III do thuộc STT2 và STT3 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.6.2. Quy mô, công suất của cơ sở:

- Sản xuất, gia công sản phẩm ép nhựa vỏ dây cáp, ép đúc vỏ nhựa: 32.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất, gia công các sản phẩm cáp USB, cáp HDMI, dây sạc, sạc điện, đế sạc chơi game, sạc dự phòng, chuông báo thông minh: 33.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất, gia công các sản phẩm tai nghe, loa, bộ điều khiển trò chơi: 13.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất, gia công các sản phẩm USB-HUB, giá đỡ điện thoại, giá đỡ máy tính, bút cảm ứng điện thoại, bút cảm ứng máy tính, phụ kiện chơi game: 8.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất, gia công các sản phẩm đèn thông minh, đèn led: 6.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất, gia công các sản phẩm ổ cắm thông minh, công tắc thông minh, cảm ứng thông minh, bộ điều khiển thông minh: 5.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất, gia công đồ chơi cho trẻ em: 1.000.000 sản phẩm/ năm.

1.6.3. Quy trình sản xuất:

- Quy trình sản xuất, gia công sản phẩm ép nhựa vỏ dây cáp, ép đúc vỏ nhựa:

Nguyên vật liệu (PC, PVC, PP, bột màu) → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Trộn → Sấy (80 -100 °C) và ép phun nhựa (190-250°C) → Cắt bavia → In ấn + Sấy (50-80°C) → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

- Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm cáp USB, cáp HDMI, dây sạc, sạc điện, đế sạc chơi game, sạc dự phòng, chuông báo thông minh:

+ Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm cáp USB, cáp HDMI, dây sạc:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Cắt dây → Tách đầu dây, xoắn dây → Hàn tiếp nối → Lắp chân → Bọc nhựa (120-150°C) → Kiểm tra chức năng → In logo → Sấy (50-80°C) → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công sạc điện:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Tách thiếc → Hàn tiếp nối → Kiểm tra liên kết → Lắp ráp → Ép nóng (60°C) → Laser → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công đế sạc chơi game, sạc dự phòng, chuông báo thông minh:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Cắm linh kiện → Kiểm tra → Hàn sóng → Cắt chân tách thiếc → Kiểm tra ngoại quan → Lắp ráp → Hàn sóng siêu âm → Khắc laser → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

- Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm tai nghe, loa, bộ điều khiển trò chơi:

+ Quy trình sản xuất, gia công tai nghe:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Hàn tiếp nối → Bọc nhựa (120-150°C) → Hàn loa → Hàn bộ điều khiển → Lắp ráp → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công loa:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Sản xuất PCBA: Hàn SMT → Cài đặt PCBA: kiểm tra, liên kết dây, vít khóa,... → Lắp pin: hệ thống dây điện, gói đệm EVA → Lắp đặt loa: liên kết dẫu, khóa, ốc vít,... → Lắp ráp → Lắp đặt mạng, dán keo 2 mặt, tổng sắp xếp chính xác → Hàn dây: hàn điểm, dán EVA → Kiểm tra không thấm nước, kiểm tra nghe → Kiểm tra liên kết RF → Kiểm tra ngoại quan → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công bộ điều khiển trò chơi:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Cắm linh kiện → Kiểm tra → Hàn sóng → Cắm chân tách thiếc → Kiểm tra ngoại quan

→ Lắp ráp → Hàn sóng siêu âm → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

- Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm USB-HUB, giá đỡ điện thoại, giá đỡ máy tính, bút cảm ứng điện thoại, bút cảm ứng máy tính, phụ kiện chơi game:

+ Quy trình sản xuất, gia công USB-HUB:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Lắp ráp → Hàn tự động → Kiểm tra ngoại quan → Lắp vỏ nhôm vào 2 đầu của USB → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công giá đỡ điện thoại, giá đỡ máy tính:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Lắp ráp → Dán miếng đệm cao su phía trước khung nhôm → Lắp ráp nắp bên trái và bên phải → Kiểm tra ngoại quan → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công bút cảm ứng điện thoại, bút cảm ứng máy tính:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Kiểm tra ngoại quan → Hàn nối pin → Hàn điện cảm → Hàn đầu bút → Kiểm tra bán thành phẩm → Lắp ráp linh kiện và vỏ ngoài → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công phụ kiện chơi game:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Cắm linh kiện → Kiểm tra → Hàn sóng → Cắt chân tách thiếc → Kiểm tra ngoại quan → Lắp ráp → Hàn sóng siêu âm → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

- Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm đèn thông minh, đèn led:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Cắm linh kiện → Kiểm tra → Hàn sóng → Cắt chân tách thiếc → Kiểm tra ngoại quan → Lắp ráp → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

- Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm ổ cắm thông minh, công tắc thông minh, cảm ứng thông minh, bộ điều khiển thông minh:

+ Quy trình sản xuất, gia công công tắc thông minh, cảm ứng thông minh, bộ điều khiển thông minh:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Cắm linh kiện → Kiểm tra → Hàn sóng → Cắt chân tách thiếc → Kiểm tra ngoại quan → Lắp ráp → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công ổ cắm thông minh:

Nguyên liệu → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Hàn SMT → Kiểm tra ngoại quan → Cắm linh kiện → Kiểm tra liên kết → Hàn sóng → Cắt chân tách thiếc → Kiểm tra ngoại quan → Kiểm tra bảng PCBA → Lắp ráp linh kiện →

Kiểm tra ngoại quan → Hàn sóng siêu âm → Kiểm tra bảng ATE → Kiểm tra lão hoá → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất, gia công đồ chơi cho trẻ em:

Nguyên vật liệu (PC, PVC, PP, bột màu) → Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Trộn → Sấy (80 -100 °C) và ép phun nhựa (190-250°C) → Cắt bavia → In ấn + Sấy (50-80°C) → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH điện tử Hank Việt Nam:

1. Công ty TNHH điện tử Hank Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH điện tử Hank Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Bắc Ninh,

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:

Kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành đến ngày 01/8/2029 (Theo thời gian hoạt động của Cơ sở theo Hợp đồng thuê xưởng số 01/2024/HĐTX/HJ và căn cứ điểm d khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường).

Giấy phép môi trường số 650/GPMT-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Dự án nhà máy điện tử Hank Việt Nam” theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 784/QĐ-SNNMT ngày 29/10/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án nhà máy điện tử Hank Việt Nam”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH điện tử Hank Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN_{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phụng

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải sinh hoạt phát sinh của Cơ sở được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70m³/ngày đêm do Công ty TNHH HJ Corp Vina chịu trách nhiệm xây dựng và vận hành, đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, sau đó được đưa vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn hiện hành, Cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Vì vậy, Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và nước thải từ nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70m³/ngày đêm qua đường ống uPVC200.

- Nước thải sản xuất:

Nước thải từ quá trình làm mát: Định kỳ 3 tháng/lần, Chủ cơ sở sẽ tiến hành thu gom cặn nước làm mát thải vào thùng chứa và lưu giữ như chất thải công nghiệp thông thường, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý cùng chất thải công nghiệp thông thường, Cơ sở không thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH HJ Corp Vina:

+ Số lượng: 02 hệ thống.

+ Công suất: 30m³/ngày đêm và 70m³/ngày đêm.

+ Công nghệ xử lý: Sinh học.

+ Quy trình công nghệ xử lý:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 30m³/ngày đêm: Nước thải → Xử lý sơ bộ (Bể tự hoại 3 ngăn) → Hồ thu gom → Bể điều hoà → Bể SBR → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 70m³/ngày đêm: Nước thải → Xử lý sơ bộ (Bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ) → Hồ gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

+ Quy chuẩn áp dụng: KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh.

+ Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Ngừng ngay hoạt động sản xuất gây ra sự cố để tránh tình trạng sự cố lan rộng hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe con người. Thông báo kịp thời cho các bộ phận liên quan trong công ty để phối hợp xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải chung được vận hành ổn định và đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường sau khi sự cố được xử lý.

- Phối hợp với Công ty TNHH HJ Corp Vina thường xuyên kiểm tra, giám sát nội bộ, theo dõi tình trạng hệ thống xử lý nước thải và các thiết bị liên quan. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do sự cố, Chủ cơ sở sẽ tạm dừng xả thải và có biện pháp lưu chứa tạm thời, đồng thời chờ hướng dẫn xử lý từ cơ quan chức năng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Nước thải của cơ sở do Công ty TNHH HJ Corp Vina (đơn vị cho thuê nhà xưởng) chịu trách nhiệm xử lý. Do đó, Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Cơ sở và đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH HJ Corp Vina (đơn vị cho thuê nhà xưởng), không xả thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận.

3.2. Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả xử lý sơ bộ nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn SMT tại tầng 1 nhà xưởng số 1.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, dán keo, ép phun nhựa và in tại tầng 2 nhà xưởng số 1.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thiếc, dán keo tại tầng 2 nhà xưởng số 1.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn ép nhựa tại tầng 1 nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ thiết bị sấy nhựa (sấy hạt nhựa) tại tầng 1 nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ quá trình in lụa kết hợp sấy tại tầng 1 nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại tầng 2 nhà xưởng số 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của công đoạn hàn SMT tại tầng 1 nhà xưởng số 1 (nguồn số 01); tọa độ vị trí xả thải: $X_1= 2332336$; $Y_1= 395361$.
- Dòng khí thải số 02 tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của công đoạn hàn sóng, hàn thiếc, dán keo, ép phun nhựa và in tại tầng 2 nhà xưởng số 1 (nguồn số 02); tọa độ vị trí xả thải: $X_2= 2332361$; $Y_2= 395371$.
- Dòng khí thải số 03 tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của công đoạn hàn thiếc, dán keo tại tầng 2 nhà xưởng số 1 (nguồn số 03); tọa độ vị trí xả thải: $X_3= 2332423$; $Y_3= 395363$.
- Dòng khí thải số 04 tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của công đoạn ép nhựa, in lụa và thiết bị sấy nhựa (sấy hạt nhựa) tại tầng 1 nhà xưởng số 2 (nguồn số 04, số 5 và số 6); tọa độ vị trí xả thải: $X_4= 2332336$; $Y_4= 395361$.
- Dòng khí thải số 05 tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải của công đoạn hàn tại tầng 2 nhà xưởng số 2 (nguồn số 07); tọa độ vị trí xả thải: $X_5= 2332425$; $Y_5= 395368$.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $133.322\text{m}^3/\text{giờ}$, trong đó:

- Dòng khí thải số 1: $10.500\text{m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 2: $46.000\text{m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 3: $15.500\text{m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 4: $25.500\text{m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 5: $35.822\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT (cột B)
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2024/ BTNMT (Cột B)		
I	Dòng khí thải số 1				
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	≤ 80	06 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng
2	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	mg/Nm^3	≤ 6	01 năm/ lần	
3	Cu và hợp chất, tính theo Cu	mg/Nm^3	≤ 5		
4	Pb và hợp chất chứa Pb	mg/Nm^3	≤ 1		
5	Benzen	mg/Nm^3	≤ 5		
6	Xylen	mg/Nm^3	≤ 100		
7	Toluen	mg/Nm^3	≤ 40		
II	Dòng khí thải số 2				
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	≤ 80	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Aceton	mg/Nm^3	-	01 năm/lần	
3	Ethanol	mg/Nm^3	-		
4	n-Butanol	mg/Nm^3	-		
5	Metanol	mg/Nm^3	≤ 150		

6	Phenol	mg/Nm ³	≤ 15		
7	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
8	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
9	Antimon và hợp chất, tính theo Sb,	mg/Nm ³	≤ 6		
10	Cu và hợp chất, tính theo Cu	mg/Nm ³	≤ 5		
11	Pb và hợp chất chứa Pb	mg/Nm ³	≤ 1		
12	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5		
III	Dòng khí thải số 3				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40	01 năm/lần	
3	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
4	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	mg/Nm ³	≤ 6		
5	Cu và hợp chất, tính theo Cu	mg/Nm ³	≤ 5		
6	Pb và hợp chất chứa Pb	mg/Nm ³	≤ 1		
7	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5		
IV	Dòng khí thải số 4				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	≤ 400		
3	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 400		
5	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5	01 năm/lần	
6	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
7	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
8	n-hexan	mg/Nm ³	-		

V	Dòng khí thải số 5				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	≤ 400		
3	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 400		
5	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5	01 năm/lần	
6	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
7	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
8	Pb và hợp chất chứa Pb	mg/Nm ³	≤ 1		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01: Được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý khí thải số 1 công suất 10.500m³/giờ, trước khi thoát ra môi trường.
- Hệ thống xử lý khí thải số 02: Được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý khí thải số 2 công suất 46.000m³/giờ, trước khi thoát ra môi trường.
- Hệ thống xử lý khí thải số 03: Được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý khí thải số 3 công suất 15.500m³/giờ, trước khi thoát ra môi trường.
- Hệ thống xử lý khí thải số 04: Được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý khí thải số 4 công suất 25.500m³/giờ, trước khi thoát ra môi trường.
- Hệ thống xử lý khí thải số 05: Được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý khí thải số 5 công suất 35.822m³/giờ, trước khi thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1:
 - + Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Thiết bị xử lý (Than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải → Môi trường.
 - + Công suất: 10.500m³/giờ/hệ thống.
 - + Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 2:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Thiết bị xử lý (Than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Công suất: 46.000m³/giờ/hệ thống.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 3:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Thiết bị xử lý (Than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Công suất: 15.500m³/giờ/hệ thống.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 4:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút khí thải, ống hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Thiết bị xử lý (Than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Công suất: 25.500m³/giờ/hệ thống.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải số 5:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Thiết bị xử lý (Than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Công suất: 35.822m³/giờ/hệ thống.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Định kỳ 6 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý khí thải của Cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải số 1, hệ thống xử lý khí thải số 2 và hệ thống xử lý khí thải số 3 đang trong quá trình vận hành thử nghiệm theo Quyết định số 650/GPMT-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc cấp Giấy phép môi trường đối với “Dự án nhà máy điện tử Hank Việt Nam” của Công ty TNHH điện tử Hank Việt Nam.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến vận hành trong khoảng 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải số 4 công suất 25.500m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải số 5 công suất 35.822m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của các hệ thống xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.5. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải công đoạn hàn SMT tại nhà xưởng số 1.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải công đoạn hàn sóng, hàn thiếc, dán keo, ép phun nhựa và in tại nhà xưởng số 1.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc, dán keo tại nhà xưởng số 1.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải công đoạn ép nhựa, thiết bị sấy nhựa (sấy hạt nhựa) và in lụa kết hợp sấy tại nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải công đoạn hàn tại nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ công đoạn ép nhựa tại nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ công đoạn ép nhựa tại nhà xưởng số 1.
- Nguồn số 08: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ công đoạn nghiền nhựa tại nhà xưởng số 2.

2. Tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026:
- + Tiếng ồn trong khu vực sản xuất: Trong mọi thời điểm làm việc mức áp suất âm cực đại không vượt quá 85 dBA.

+ Tiếng ồn ngoài khu vực hoạt động:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực thông thường</i>

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực thông thường</i>

2.2. Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực thông thường</i>

- Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
2	75	70	Không thuộc đối tượng	<i>Khu vực thông thường</i>

* Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Thực hiện giải pháp cách ly tiếng ồn, như: Bố trí thiết bị có tiếng ồn cao trong phòng riêng, bố trí phòng điều khiển nơi làm việc của công nhân riêng để cách ly với các thiết bị có tiếng ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

- Lắp đặt đệm giảm chấn cho các thiết bị, động cơ có độ rung lớn.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên	Đơn vị	Khối lượng	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Kg/năm	15	16 01 06
2	Than hoạt tính thải	Kg/năm	7980	12 01 04
3	Các loại dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	Kg/năm	1000	17 02 03
4	Pin, ắc quy thải	Kg/năm	50	19 06 05
Tổng			9.045	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Vỏ bao bì đựng nguyên liệu đầu vào	Kg/năm	500
2	Sản phẩm lỗi hỏng	Kg/năm	10.000
3	Bao bì, thùng carton, thùng nhựa, palet nhựa thải từ quá trình đóng gói sản phẩm đầu ra, nhãn mác thải, xốp thải	Kg/năm	5.000
4	Gang tay, giẻ lau không dính thành phần nguy hại, khẩu trang thải	Kg/năm	500
5	Linh kiện thải bỏ, đầu mẫu vật liệu thừa, vật liệu lỗi	Kg/năm	3000
6	Hộp đựng keo thải	Kg/năm	300
7	Đầu mẫu dây điện, vụn nhựa thừa không thể tái chế, ốc vít thải	Kg/năm	1000
8	Cặn thải từ quá trình làm mát	Kg/năm	80
Tổng			20.380

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

STT	Tên	Đơn vị	Khối lượng	Mã chất thải
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Kg/năm	100	18 02 01
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	Kg/năm	500	18 01 02
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Kg/năm	500	18 01 03
4	Mực in thải	Kg/năm	50	08 02 01
5	Hộp mực in (đã chứa mực in khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	50	08 02 04
	Tổng		1.200	

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 337.500 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Kho chứa CTNH: 01 kho.
- Diện tích kho chứa: 20m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho chứa chất thải rắn thông thường và sinh hoạt: 01 kho.
- Diện tích kho chứa: 40m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4. Nghiêm cấm hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Nghiêm cấm nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.